

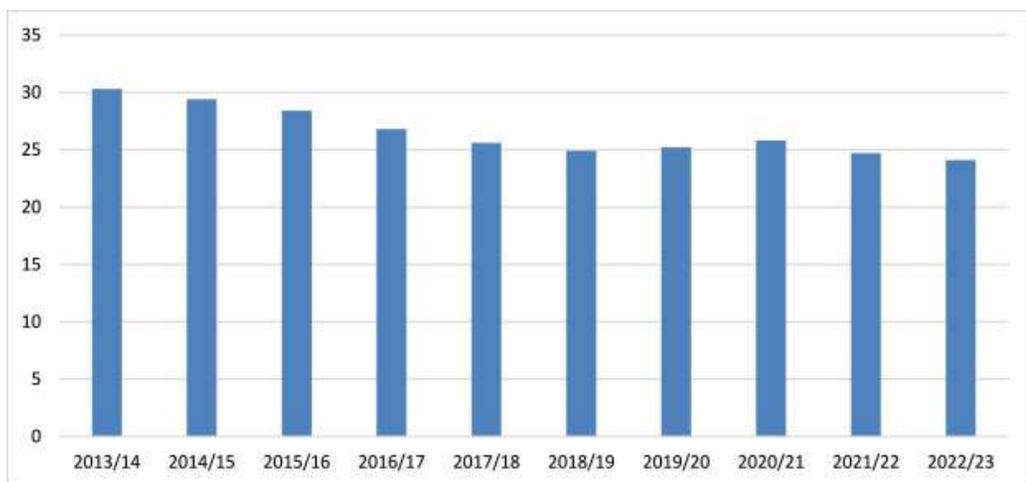
Giới thiệu về nông nghiệp Nepal

Nepal là một trong số các quốc gia có ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, sản lượng nông nghiệp của nước này vẫn còn tương đối thấp một phần do việc áp dụng khoa học - kỹ thuật và phương thức canh tác hiện đại còn hạn chế cũng như dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.

Nông nghiệp chiếm 28% diện tích đất canh tác Nepal và đóng góp đáng kể vào GDP của đất nước. Năm 2013 - 2014, ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao, hơn 30% tổng GDP của Nepal. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã giảm dần vào năm 2018 - 2019 với khoảng 25% và duy trì ổn định trong các năm tiếp theo. Trong năm 2020 - 2021, mức đóng góp của ngành nông nghiệp vào GDP tăng nhẹ lên khoảng 26%, trước khi giảm xuống dưới 25% vào năm 2021 - 2022. Đến năm 2022 - 2023, tỷ trọng của ngành này tiếp tục giảm xuống còn khoảng 24%. Xu hướng này phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế khi các ngành khác như công nghiệp và dịch vụ đóng góp nhiều hơn vào GDP của Nepal (Lokendra et al., 2025, p. 3).

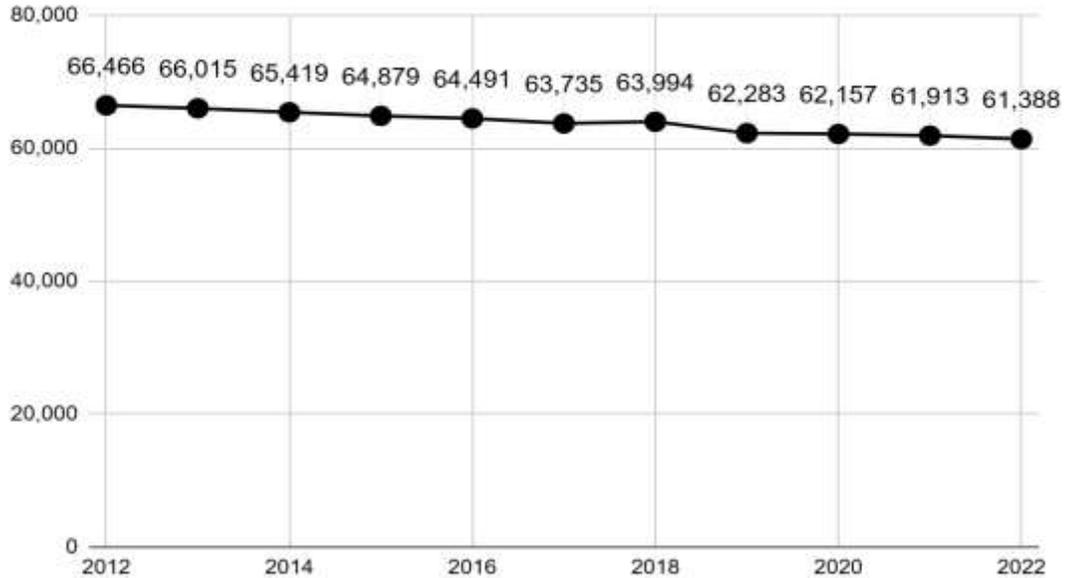
Hình 1. Tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp Nepal vào GDP giai đoạn 2013 - 2023

Đơn vị: %



Nguồn: Lokendra và cộng sự (2025)

Ở các vùng nông thôn, nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sinh kế và hỗ trợ an ninh lương thực nông nghiệp, thu hút hơn 60% lực lượng lao động. Năm 2012, khoảng 66,47% tổng số lực lượng lao động Nepal làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Đến năm 2022, tỷ lệ này đã giảm xuống còn 61,39%, phản ánh sự chuyển dịch của lực lượng lao động sang các lĩnh vực khác (Lokendra et al., 2025, p. 4).

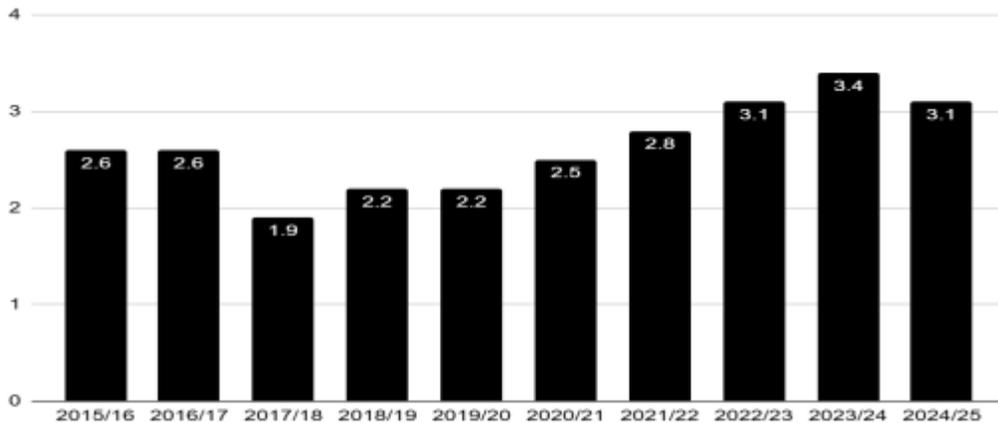
Hình 2. Tỷ lệ việc làm tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp ở Nepal (2012 - 2022)**Đơn vị: %***Nguồn: Lokendra và cộng sự (2025)*

Trong số các lao động tham gia ngành nông nghiệp, có 9,54 triệu người là nam giới (chiếm 49,1%) và 9,9 triệu người là nữ giới (chiếm 50,9%). Sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào hoạt động sản xuất nông nghiệp là do các yếu tố như nam giới phải di cư vì công việc, cơ hội việc làm hạn chế cho phụ nữ và phụ nữ phù hợp hơn với nông nghiệp tự cấp ở Nepal. Tuy nhiên, sự phụ thuộc này cũng đặt ra một số thách thức vì nhiều phụ nữ không được tiếp cận với quyền sở hữu đất đai, hỗ trợ tài chính và quyền ra quyết định, gây cản trở sự phát triển nông thôn bền vững (Lokendra et al., 2025, p. 4).

Mặc dù ngành nông nghiệp đóng góp quan trọng vào GDP và việc làm ở Nepal nhưng ngân sách phân bổ cho ngành này vẫn ở mức tương đối thấp trong những năm qua. Trong năm 2015 - 2016, nông nghiệp nhận được 2,6% tổng ngân sách, và mức phân bổ này giữ nguyên trong năm tiếp theo. Tuy nhiên, từ năm 2017 - 2018, tỷ lệ này giảm xuống còn khoảng 1,8%, sau đó tăng dần trong những năm tiếp theo. Đến năm 2023 - 2024, mức phân bổ đã tăng lên 3,36%, trước khi giảm nhẹ xuống 3,05% vào năm 2024 - 2025 (Lokendra et al., 2025, p. 2).

Hình 3. Tỷ trọng tổng ngân sách quốc gia phân bổ cho nông nghiệp ở Nepal (2015 - 2025)

Đơn vị: %



Nguồn: Lokendra và cộng sự (2025)

Về tình hình sản xuất các loại ngũ cốc, cây công nghiệp và các loại cây trồng khác ở Nepal, trong số các loại ngũ cốc, lúa và ngô là hai loại cây trồng có diện tích khai thác và sản lượng thu được nhiều nhất. Đây cũng là hai loại cây lương thực chủ yếu của Nepal và có triển vọng xuất khẩu cao. Ngoài ra, trong số các cây trồng thương mại và cây họ đậu, khoai tây và mía, đậu lăng cũng là các loại cây có sản lượng thu được nhiều nhất và cần được chính phủ hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện năng suất nhằm phục vụ cho xuất khẩu sang các quốc gia khác, giúp giảm bớt sự thâm hụt về thương mại của Nepal.

Bảng 1. Tình hình sản xuất các loại ngũ cốc, các cây công nghiệp và các loại cây trồng khác ở Nepal (2020 - 2023)

Loại cây	2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023	
	Khu vực (Héc ta)	Sản lượng (Tấn)	Khu vực (Héc ta)	Sản lượng (Tấn)	Khu vực (Héc ta)	Sản lượng (Tấn)
Ngũ cốc						
Lúa	1.473.474	5.621.710	1.477.378	5.130.625	1.447.789	5.486.472
Ngô	979.776	2.997.733	985.565	3.106.397	940.256	2.976.490
Lúa mì	711.067	2.127.276	716.978	2.144.568	697,762	2,098,462
Kê	265.401	326.443	267.071	339.462	227.934	310.847
Kiêu mạch	13.875	15.917	16.123	19.290	11.857	15.083
Lúa mạch	21.862	29.433	23.134	32.156	17.536	25.912

Tổng cộng	3.465.455	11.118.512	3.486.249	10.772.498	3.343.135	10.913.266
Cây trồng thương mại						
Hạt chứa dầu	259.101	287.038	260.645	287.344	244.046	270.482
Khoai tây	198.788	3.325.231	198.256	3.410.829	203.812	3.487.816
Mía	64.354	3.183.943	62.567	3.159.634	62.833	3.130.109
Đay	7.415	10.451	7.195	10.217	7.220	10.205
Bông	142	147	155	172	60	65
Cây họ đậu						
Đậu lăng	202.416	246.092	198.454	252.283	173.011	200.787
Đậu gà	9.840	11.065	10.793	12.196	10.408	11.980
Đậu bồ câu	16.591	16.649	15.512	15.977	11.745	12.710
Đậu lăng đen	24.500	21.633	28.383	26.114	26.239	24.754
Cỏ lúa mạch	10.456	11.965	10.407	12.072	5.643	6.404
Đậu ngựa	13.311	15.453	12.248	14.330	6.109	6.097
Đậu nành	25.758	32.178	24.921	35.138	26.842	36.672
Các loại cây khác						
Trái cây	128.733	1.356.218	129.532	1.416.750	139.478	1.527.700
Rau	284.121	3.993.167	289.839	4.153.157	302.135	4.376.077
Bạch đậu khấu to	15.668	8.289	15.975	8.714	15.975	8.674
Ớt khô	12.525	87.731	12.870	83.898	11.349	86.992
Gừng	21.912	279.206	22.441	287.813	23.829	309.53
Tỏi	-	72.490	9.943	74.763	9.570	73.567
Nghệ	10.340	105.719	10.847	111.074	9.022	90.428

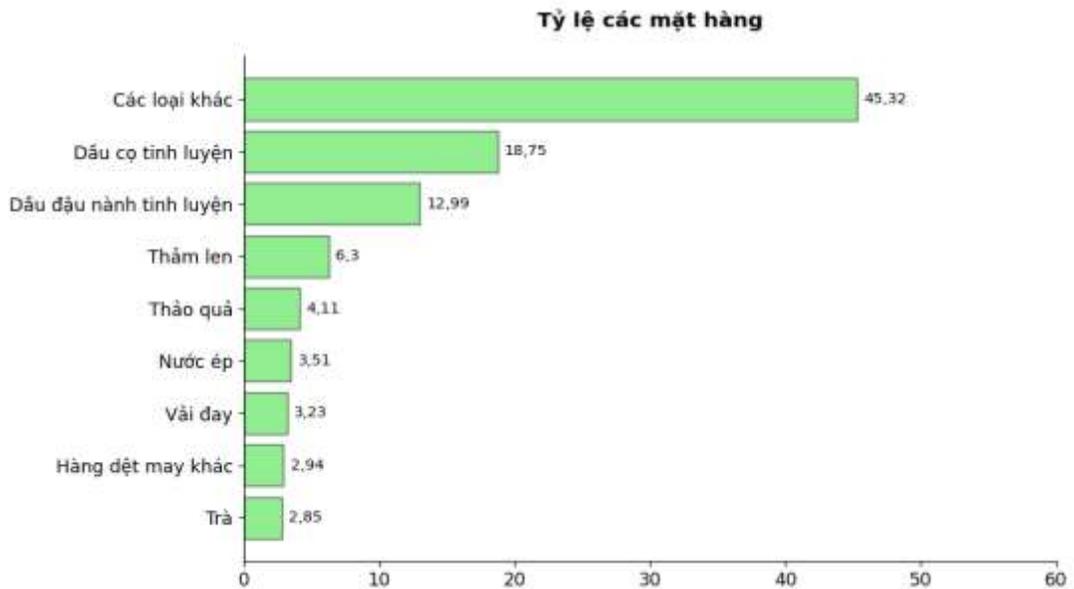
Nguồn: MOALD (2024)

Về tỷ trọng xuất khẩu nông sản của Nepal, trong năm 2020, các sản phẩm chế biến từ nguyên liệu thô như dầu cọ tinh luyện và đậu nành tinh luyện chiếm tỷ lệ cao từ 12% đến 18% trong khi trà và các hàng dệt may khác chiếm tỷ lệ thấp nhất. Ngược lại,

nước này vẫn nhập khẩu những sản phẩm vốn được sản xuất sản lượng cao trong nước như khoai tây, gạo, ngô. Điều này cho thấy nhu cầu trong nước với những mặt hàng này khá cao và Nepal cần cải tiến kỹ thuật và công nghệ trong nông nghiệp để nâng cao năng suất của những nông sản này.

Hình 4. Tỷ trọng xuất khẩu nông sản của Nepal trong năm 2020

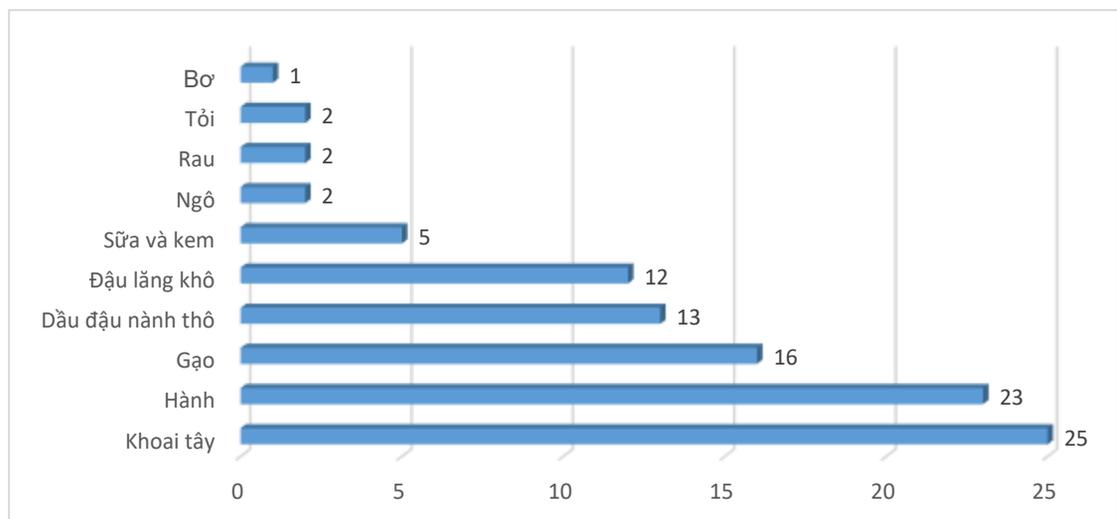
Đơn vị: %



Nguồn: MOF (2020)

Hình 5. Tỷ trọng nhập khẩu nông sản của Nepal năm 2020

Đơn vị: %



Nguồn: MOF (2020), MOALD (2020)

Trên thực tế, nông nghiệp của Nepal đang đứng trước nhiều thách thức do trợ cấp dành cho lĩnh vực này còn nhiều bất cập. Mặc dù hàng năm chính phủ Nepal đã phân bổ 18 tỷ rupee để tài trợ cho nông nghiệp và có kế hoạch cấp 14,39 tỷ rupee cho 10.000 thanh niên dưới dạng khoản vay ưu đãi, nhưng phần lớn không đến được đối tượng cần được hỗ trợ (Pramod, Saugat, 2021, p. 329). Bên cạnh đó, vấn đề biến đổi khí hậu, việc đất bị xói mòn, sự chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất ở, sự phân mảnh đất nông nghiệp, sự chậm trễ trong nhập khẩu phân bón, thiếu hệ thống khuyến nông và kỹ thuật công nghệ hiện đại là những nguyên nhân ảnh hưởng đến an ninh lương thực ở Nepal.

Hiện nay, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp giữa Việt Nam và Nepal còn khá khiêm tốn. Hai bên chưa ký biên bản thỏa thuận hợp tác nào trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Việc hợp tác chủ yếu thể hiện ở lĩnh vực xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản giữa hai nước. Các mặt hàng tiềm năng của Nepal bao gồm trà, cà phê, thảo mộc, gia vị và sản phẩm nông nghiệp vùng núi. Ngược lại, các sản phẩm nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Nepal chủ yếu là gạo, tiêu, điều, cao su và các sản phẩm từ chăn nuôi.

Do đó, Nepal và Việt Nam có thể hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao năng suất trồng lúa ở Nepal thông qua việc trao đổi chuyên gia trong các lĩnh vực hợp tác kỹ thuật, tập trung vào giống, kỹ thuật canh tác và công nghệ sau thu hoạch. Việt Nam có thể chia sẻ với Nepal kinh nghiệm sử dụng kỹ thuật “trồng lúa ngập nước và thoát nước”, bao gồm việc trồng lúa trên những cánh đồng được ngập nước và thoát nước định kỳ cho phép lúa sinh trưởng trong môi trường giàu dinh dưỡng. Việt Nam cũng đã đầu tư đáng kể vào nghiên cứu và phát triển nông nghiệp bao gồm việc phát triển các giống lúa mới và thúc đẩy các phương pháp canh tác bền vững.

Đồng thời, Nepal có thể học hỏi và áp dụng mô hình hợp tác hỗ trợ sản xuất lúa gạo của Việt Nam đã tiến hành thành công ở Cuba với ba hình thức chính. Thứ nhất là hình thức thuê đất trọn gói với 100% vốn đầu tư từ phía Việt Nam, Cuba thu lợi từ tiền thuê đất và các dịch vụ phụ trợ. Thứ hai là mô hình liên doanh chia sẻ lợi nhuận 50 - 50, giúp phía Cuba tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị. Thứ ba là hình thức cung ứng vật tư nông nghiệp chất lượng cao, bắt đầu triển khai từ tháng 1 năm 2025 thông qua hệ thống phân phối của Tổng công ty EMSA. Doanh nghiệp Việt Nam phối hợp cùng đối tác Cuba mở các cửa hàng cung ứng vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Mô hình hợp tác này, coi đó là giải pháp chiến lược giúp Cuba từng bước giảm phụ thuộc vào nhập khẩu lương thực trong bối cảnh bị cấm vận (Mai Phương, 2025).

Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế và ổn định xã hội của Nepal, song vẫn đối mặt với nhiều thách thức về năng suất, hạ tầng và ứng dụng khoa học - công nghệ. Trong bối cảnh đó, hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và Nepal mở ra những triển vọng thiết thực, đặc biệt trong chia sẻ kinh nghiệm phát triển nông nghiệp hàng hóa, chuyển giao kỹ thuật canh tác và nâng cao năng lực nông dân. Việc thúc đẩy hợp tác song phương không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và phát triển bền vững giữa hai nước.

Tài liệu tham khảo

1. Aditi Paul, Pramod Jaiswal. (2023). Nepal - Vietnam Ties: A Window of Opportunity for Deeper Engagement. *Vietnam Journal for Indian and Asian Studies*, Vol. 5, No. 1 - 2023, p. 22-37.
2. Gupta GS. (2019). Land degradation and challenges of food security. *Review of European Studies* January 2019. https://www.academia.edu/52064993/Land_Degradation_and_Challenges_of_Food_Security. Ngày truy cập 10/12/2025.
3. Kim Anh. (2023). Hợp tác lĩnh vực nông nghiệp giữa Việt Nam và Nepal còn rất lớn, *Báo Nông nghiệp Môi trường* số ngày 15/12/2023, <https://nongnghiepmoitruong.vn/hop-tac-linh-vuc-nong-nghiep-giua-viet-nam-va-nepal-con-rat-lon-d371635.html>. Ngày truy cập 10/12/2025
4. Lokendra Nath Yogi, Tara Thalal, Sarada Bhandari. (2025). The role of agriculture in Nepal's economic development: Challenges, opportunities, and pathways for modernization". *Heliyon*, volume 11, Issue 2, 30 January 2025, p. 1-9.
5. MOALD. 2020. Statistical information on Nepalese agriculture 2075/76 (2018/19). Ministry of Agriculture and Livestock Development, Nepal.
6. MOALD. 2024. Statistical information on Nepalese Agriculture 2079/80 (2022/23). Ministry of Agriculture and Livestock Development, Nepal.
7. MOF. 2020. Nepal foreign trade statistics fiscal year 2020/21. Department of customs. Government of Nepal. Tripureshwor, Kathmandu, Nepal.
8. Pimentel D, Burgess M. (2013). Soil erosion threatens food production. *Agriculture August 2013*. https://www.researchgate.net/publication/269513887_Soil_Erosion_Threatens_Food_Production. Ngày truy cập 10/12/2025
9. Pramod Gyawali, Saugat Khanal. (2021). Overview of agriculture in Nepal: Issues and future strategy, *Fundamental and Applied Agriculture*, vol. 6(3) 2021, p. 323 - 335.

Thạc sĩ Nguyễn Ngọc Mai
Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi